TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Ông Hứa Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N; sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T; sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N khai chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/11/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, cứ mỗi lần khuyên bảo nhau thì lại xảy ra xung đột, cãi vã. Vợ chồng cũng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, đồng thời hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, sửa chữa sai sót của mình. Đến nay mâu thuẫn đã kéo dài mà không giải quyết

được, tình nghĩa vợ chồng không còn nữa nên chị N xin ly hôn anh T. Vợ chồng có một con trai chung là Nguyễn Tường A, sinh ngày 04/9/2009. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn là anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T không nộp cho cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không nộp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Sau đó, anh T cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Theo Bản tự khai nguyện vọng của cháu Nguyễn Tường A, thì cháu A trình bày nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ chăm lo cho cháu được học hành.

Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q cung cấp thông tin cho biết: Vợ chồng chị N, anh T đăng ký kết hôn năm 2007, có nhà riêng tại tổ 3, thị trấn Y, huyện Q. Trước đó chị N sống tại địa phương còn anh T là bộ đội công tác tại Đoàn Kinh tế quốc phòng 313 tại xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, hiện nay đã ra quân về địa phương. Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Tường A. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 do bất đồng về quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, còn các nguyên nhân mâu thuẫn khác chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, phía nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị N ly hôn với anh Nguyễn Minh T; về con chung thì căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Tường A; về tài sản chung thì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007, là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị N cũng như các tài liệu, chứng cứ mà chị N đã nộp cho Tòa án cũng như thông tin do Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng chị N và anh T từ năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, hôn nhân giữa chị N và anh T lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị N ly hôn anh T.

[2] Chị N và anh T có một con trai chung là cháu Nguyễn Tường A, sinh ngày 04/9/2009. Chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Cháu A có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ. Do đó, Tòa án thấy cần căn cứ các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N ly hôn anh Nguyễn Minh T;

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi con trai chung là cháu Nguyễn Tường A, sinh ngày 04/9/2009, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02428 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mai Hồng